

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Lộc

Các Thẩm phán: Ông Trần Hưng Bính và ông Bùi Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Thọ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 145/2019/TLPT-HS ngày 18/10/2019 đối với bị cáo Trần Ngọc T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 176/2019/HSST ngày 03/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Huế.

Bị cáo có kháng cáo: **Trần Ngọc T** (tên gọi khác: Cu Nhỏ); sinh năm 1980, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú hiện nay: số 49 đường T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Chạy xe thô; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con của ông Trần Ngọc T và bà Trần Thị L; có vợ là Nguyễn Thị Thùy Tr và 03 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh tháng 11 năm 2019.

Quá trình nhân thân: Ngày 26 - 5 - 2014 và ngày 17 - 03 - 2015 bị Công an thành phố Huế xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tiền án: Không; tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án này có bị cáo Trần Thị Ngọc T1 không có kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 11 giờ 00 phút ngày 15 - 02 - 2019, tại trước nhà số 94 đường T, phường P, thành phố H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế bắt quả tang Trần Thị Ngọc T1 đang tàng trữ trái phép chất ma túy. Thu giữ trong túi xách đeo trên người của T1 01 túi ni lông màu xanh, bên trong có 99 gói ni lông màu trắng đều chứa thân thảo mộc khô và 01 túi ni lông màu xanh, bên trong chứa 01

cục thân thảo mộc khô dạng cục. T1 khai nhận trong tất cả các gói bị thu giữ đều chứa ma túy loại cần sa, do T1 tàng trữ nhằm mục đích sử dụng và bán kiếm lời.

Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ dưới sân nhà nơi T1 đang đứng khi bị bắt 01 gói ni lông màu trắng, bên trong chứa tinh thể rắn màu trắng và 01 gói ni lông màu xanh, bên trong chứa 67 viên nén màu đỏ.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Thị Ngọc T1 tại nhà số 57 đường T, phường P, thành phố H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế thu giữ 01 túi xách màu vàng, bên trong có 01 gói ni lông màu trắng chứa thân thảo mộc khô đã được nén thành bánh, dạng hình khối, có kích thước tiết diện đáy là 16cm x 12cm, tiết diện mặt đứng có kích thước các cạnh là 6cm; 12cm; 04cm và 03cm; 05 mặt xung quanh được quấn chặt bằng băng keo trong và ni lông, mặt còn lại có dấu vết cắt để lộ thảo mộc khô nghi là ma túy loại cần sa.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Thị Ngọc T1 tại nhà số 05/486 đường C, phường PH, thành phố H, Cơ quan điều tra không thu giữ gì thêm.

Quá trình điều tra xác định:

Tối ngày 14 - 02 - 2019, Trần Thị Ngọc T1 và Trần Ngọc T thống nhất cùng nhau mua ma túy để sử dụng. Thành đã góp 300.000 đồng cho T1. Sau đó, T1 liên hệ mua của một đối tượng tên Minh L (không rõ nhân thân, lai lịch) một gói ma túy (dạng đá) với giá 700.000 đồng. Sau khi mua, T1 và Thành đã cùng nhau sử dụng một ít, số ma túy còn lại T1 cất giấu trong người để tiếp tục sử dụng sau. Khi bị bắt quả tang vào ngày 15-02-2019, T1 đã rút gói ma túy này dưới sân nhà nơi T1 đang đứng và bị Cơ quan điều tra thu giữ như đã nêu trên.

Riêng 01 gói ni lông màu xanh, bên trong chứa 67 viên nén màu đỏ mà Cơ quan điều tra phát hiện, thu giữ dưới nền sân trước nhà số 94 đường T, phường P, thành phố H, quá trình điều tra bị cáo Trần Thị Ngọc T1 không thừa nhận gói này là của mình.

Tại bản Kết luận giám định số 68/GĐ ngày 18-02-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã kết luận về số ma túy đã thu giữ khi bắt quả tang T1 như sau:

1. Mẫu thảo mộc khô màu nâu gửi giám định (nêu tại mục 1.1; phần II) có tổng khối lượng là 125gam, là ma túy loại Cần sa.
2. Mẫu tinh thể rắn màu trắng gửi giám định (nêu tại mục 1.2; phần II) có khối lượng là 0,7865gam, là ma túy loại Methamphetamine.
3. Gồm 67 (sáu mươi bảy) viên nén đều có màu đỏ gửi giám định (nêu tại mục 1.3; phần II) có tổng khối lượng là 6,8715gam, là ma túy loại Methamphetamine.

Hoàn lại đối tượng giám định cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế gồm: 119gam mẫu thảo mộc khô màu nâu; 0,6465gam mẫu tinh thể rắn màu trắng; 6,4715gam mẫu các viên nén màu đỏ; Các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định. Tất cả được niêm phong theo quy định.

Tại bản Kết luận giám định số 70/GĐ ngày 21/02/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã kết luận về số ma túy thu giữ khi khám xét

tại 57 T, phường P, thành phố H như sau: Mẫu thảo mộc khô màu nâu gửi giám định (nêu tại mục 1, phần II) có khối lượng là 525gam, là ma túy loại Cần sa.

Hoàn lại đối tượng giám định cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế gồm: 513,0gam mẫu thảo mộc khô màu nâu; Các vật liệu dùng để bao gói, niêm phong khi gửi giám định. Tất cả được niêm phong theo quy định.

Tại bản Kết luận giám định số 71/GĐ ngày 25-02-2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế (giám định dấu vết đường vân thu trên 01 gói ni lông màu trắng, bên trong đựng thân thảo mộc khô đã được nén thành bánh thu giữ khi khám xét tại 57 T, phường P, thành phố H với dấu vết đường vân thu giữ của Trần Thị Ngọc T1, chị Trần Thị Ngọc Bích - là em của T1), chị Nguyễn Thị Hương - là em dâu của T1 và bà Phan Thị Loan - là mẹ của T1, (đều trú tại 57 T, phường P, thành phố H) kết luận:

1. Xử lý trên gói ni lông màu trắng được quấn băng keo trong màu trắng được niêm phong (nêu tại mục 1, phần II), kết quả phát hiện 05 (năm) dấu vết đường vân, được đánh số từ 01 đến 05.

2. Trong 05 dấu vết đường vân (nêu trên): Dấu vết đường vân số 1; 2; 3; 5 đủ yếu tố giám định; dấu vết đường vân số 4 không đủ yếu tố giám định.

3. 04 (bốn) dấu vết đường vân số 1; 2; 3; 5 đủ yếu tố giám định (nêu trên) với đường vân trên 04 chỉ bản (nêu tại mục 2, phần II) không cùng một người in ra.

Hoàn lại đối tượng giám định gồm: 01 gói ni lông được quấn băng keo trắng có dạng hình khối có kích thước tiết diện đáy là 16cm x 12cm, tiết diện mặt đứng có kích thước các cạnh là 6cm; 12cm; 04cm và 03cm; 04 chỉ bản của Trần Thị Ngọc T1, Trần Thị Ngọc Bích, Nguyễn Thị Hương và bà Phan Thị Loan.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã chuyển giao vật chứng đã thu giữ nói trên cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế để bảo đảm cho việc xét xử và thi hành án theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23 tháng 7 năm 2019.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm các bị cáo Trần Thị Ngọc T1 và Trần Ngọc T đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 176/2019/HSST ngày 03/9/2019, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã quyết định:

1. Căn cứ điểm i khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 điều 52; Điều 55 và khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Ngọc T1 01 năm 03 tháng tù, về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy; Tổng hợp hình phạt 09 tháng tù của bản án số 40/2011/HSST ngày 11 tháng 3 năm 2011 buộc bị cáo Trần Thị Ngọc T1 phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt: Bị cáo Trần Ngọc T 08 tháng tù, về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 17/9/2019, bị cáo Trần Ngọc T có đơn kháng cáo với nội dung xin Tòa án cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Thành, sửa bản án sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo.

Kết quả xét hỏi tại phiên toà, bị cáo Trần Ngọc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như tại cơ quan điều tra và tại phiên toà sơ thẩm. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo được làm trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định pháp luật về chủ thể kháng cáo, hình thức và nội dung đơn kháng cáo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, kháng cáo của bị cáo là hợp lệ, được Tòa án giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để xác định: Vào ngày 14 - 02 - 2019, bị cáo Trần Thị Ngọc T1 và bị cáo Trần Ngọc T thống nhất góp tiền mua ma túy để sử dụng chung. Sau khi mua được ma túy, bị cáo T1 và bị cáo Thành đã sử dụng hết một ít, còn lại 0,7865gam ma túy loại Methamphetamine được bị cáo T1 cất giấu trong người để cùng bị cáo Thành sử dụng sau. Lúc 11 giờ 00 phút ngày 15-02-2019, tại trước số nhà 94 đường T, phường P, thành phố H, khi bị cáo T1 đang tàng trữ trái phép số ma túy nêu trên, thì bị Công an bắt quả tang. Ngoài số ma túy nêu trên, khi bị bắt quả tang, bị cáo Trần Thị Ngọc T1 còn đang tàng trữ trái phép 125gam ma túy loại Cần sa với mục đích là để sử dụng.

Với hành vi trên, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã kết án bị cáo Trần Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc T xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng:

Bị cáo Trần Ngọc T là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật nhưng vì để thỏa mãn nhu cầu sử dụng, thói đua đòi, ăn chơi của mình nên bị cáo đã phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, trực tiếp ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người, sự phát triển của nòi giống và làm tăng tệ nạn xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội.

Tòa án nhân dân thành phố Huế đã xem xét cho bị cáo Trần Ngọc T được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ: bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn; sau khi phạm

tội đã ăn năn hối cải và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự 2015 để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt với mức hình phạt 08 (tám) tháng tù là không nặng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như đặc điểm nhân thân của bị cáo. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, vợ bị cáo mới sinh con, hoàn cảnh kinh tế của gia đình bị cáo có nhiều khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm, bị cáo không phải chịu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc T, sửa bản án hình sự sơ thẩm, giảm hình phạt cho bị cáo.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 05 (năm) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo Trần Ngọc T không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- Vụ GDKT I TANDTC;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV27 CA tỉnh;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- Công an thành phố Huế;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục THADS thành phố Huế;
- Bị cáo;
- Lưu HS; THS; THCTP.

Nguyễn Thanh Lộc